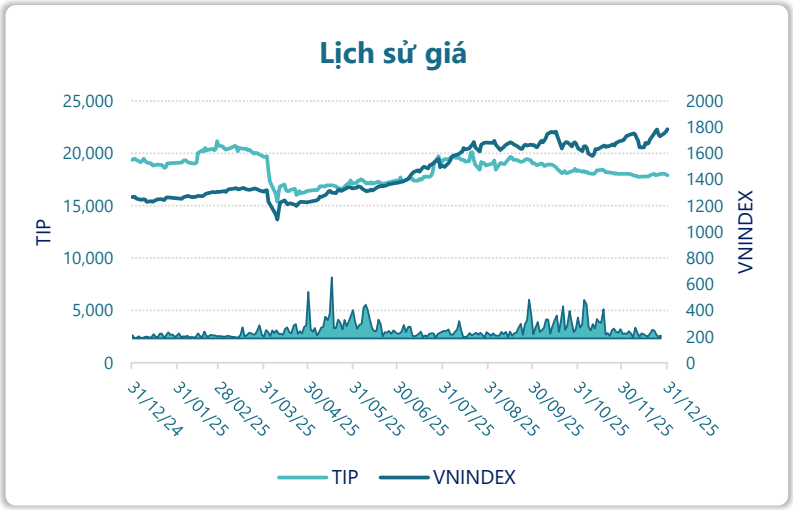
FireAnt

CTCP Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa (HSX: TIP)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**17,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	21,167
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,386
SL cổ phiếu LH	65,007,857
KLGD BQ 20 phiên (CP)	39,930
% sở hữu nước ngoài	17.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,164
P/E	5.4
EPS	3,322

DT thuần

Q4/25

40.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.50| 4.0%

YoY: ▼8.20| -16.9%

LN sau thuế

Q4/25

98.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 69.0| 238%

YoY: ▲ 27.8| 39.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

181%

+/- YoY: ▲ 43.0%

DT thuần

2025

148

tỷ VNĐ

YoY: ▼20.0| -11.7%

LN sau thuế

2025

218

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 31.0| 16.9%

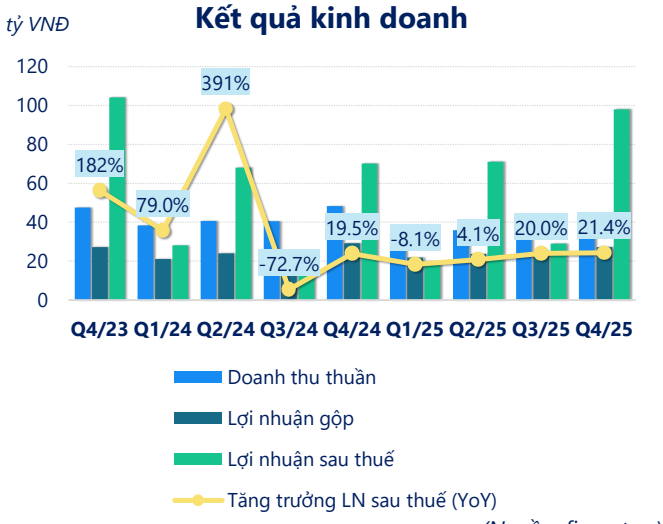
ROE

2025

11.6%

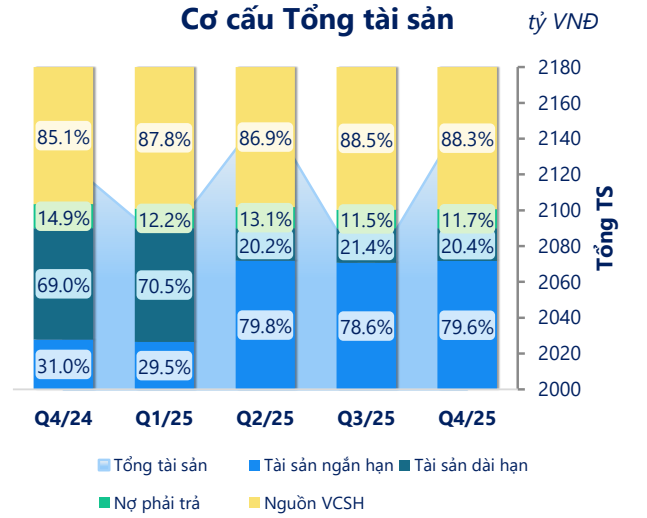
+/- YoY: ▲ 1.4%

Kết quả kinh doanh



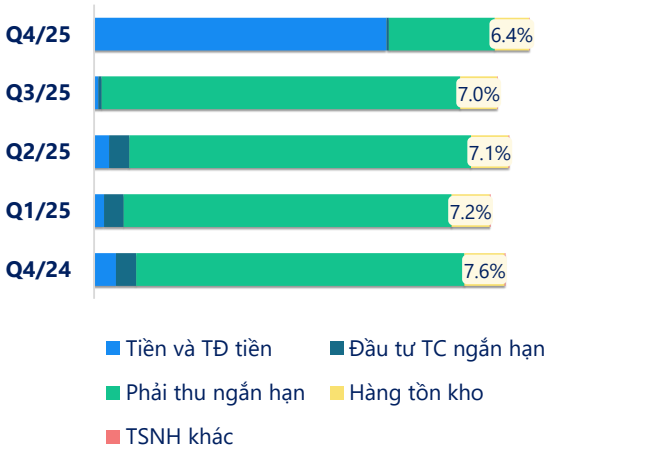
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



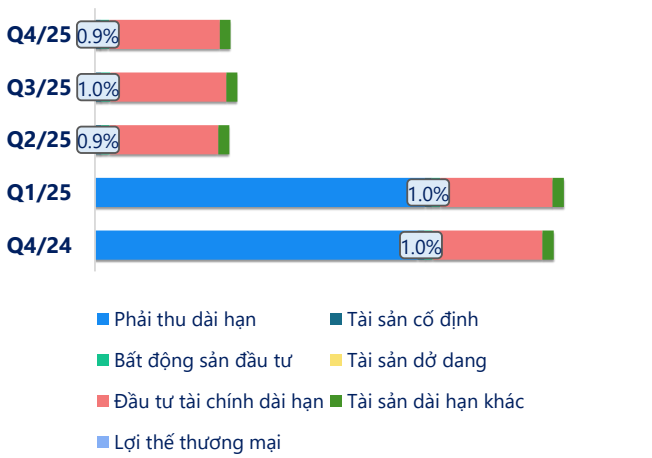
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



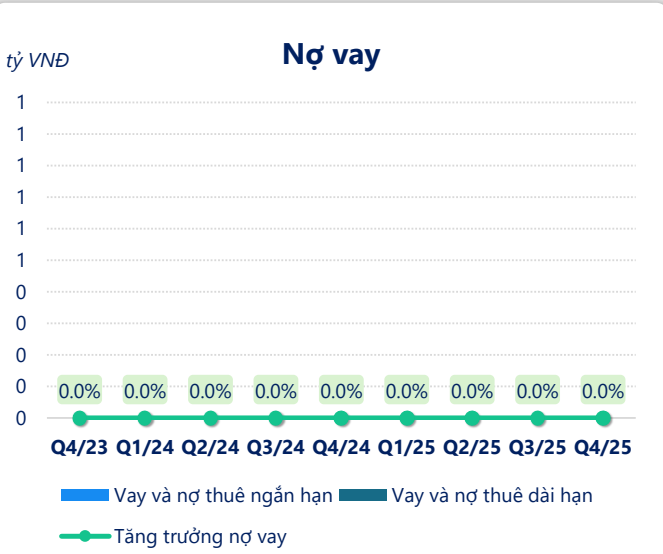
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



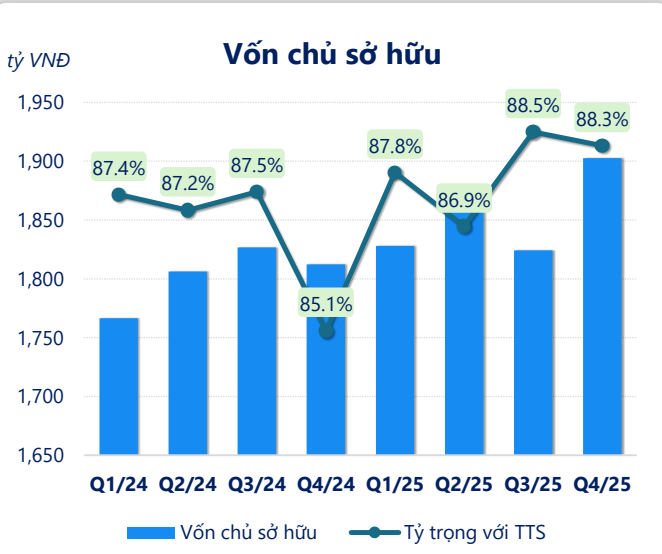
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



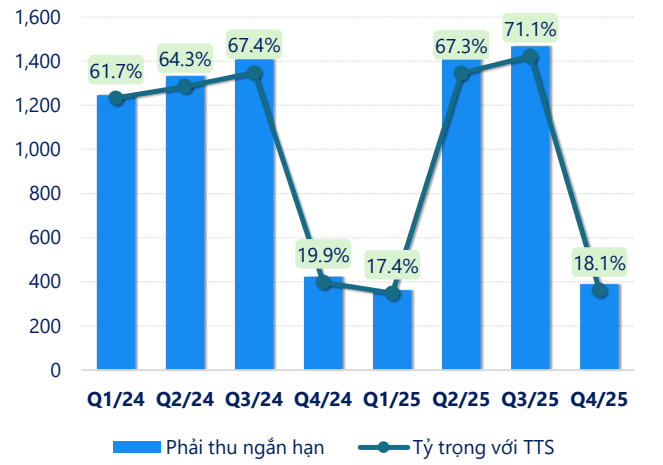
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



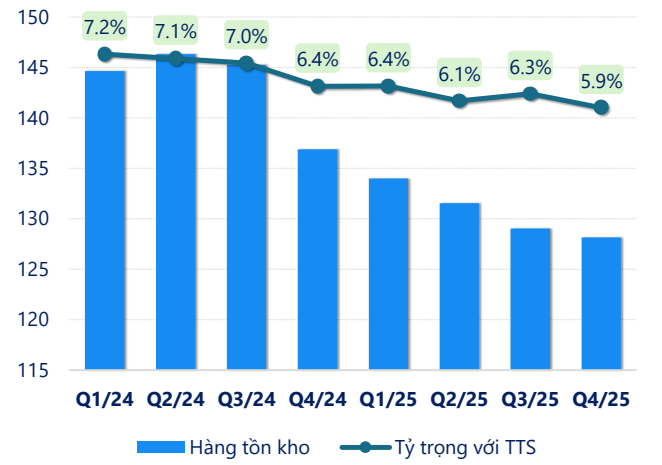
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



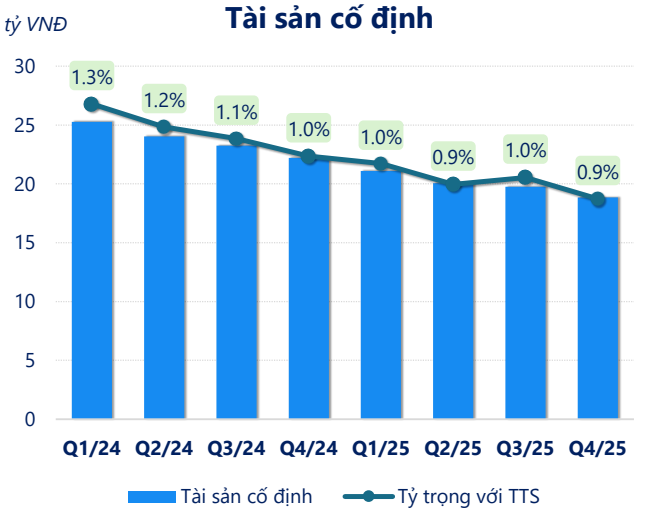
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



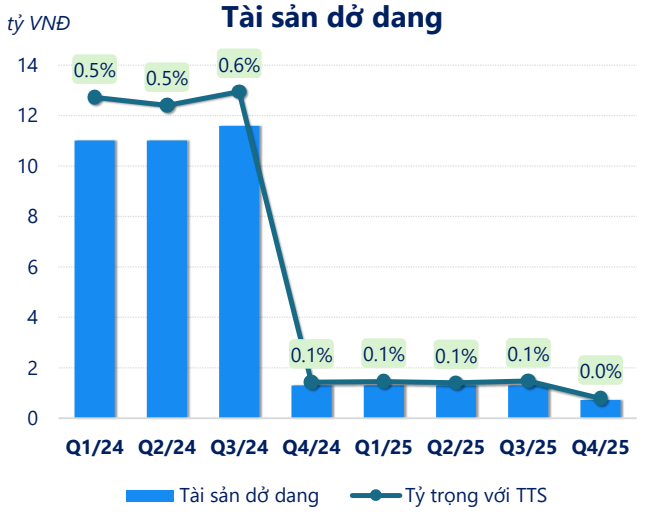
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



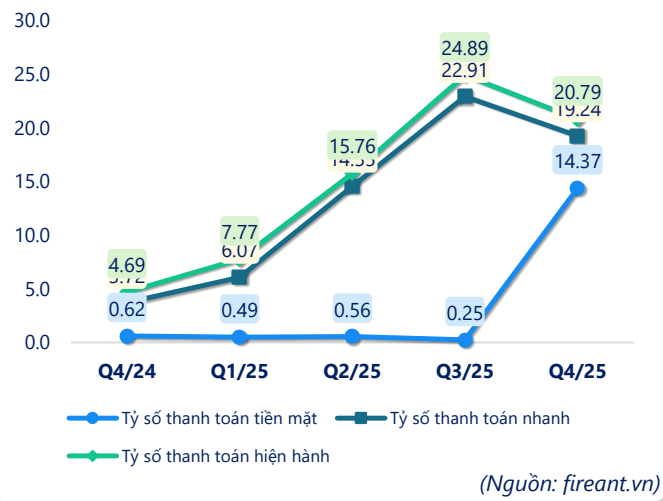
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



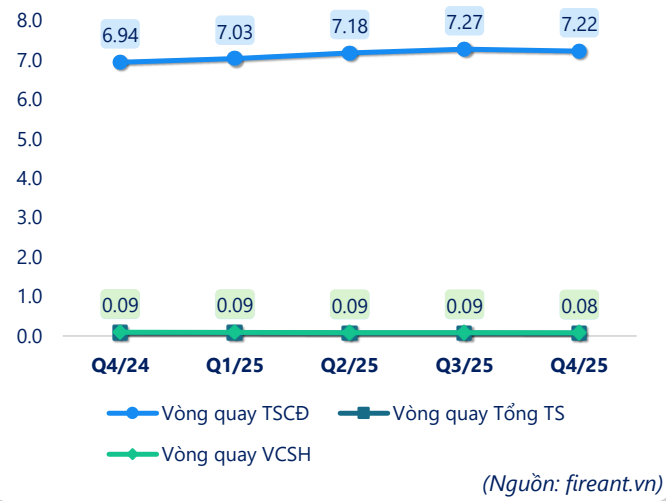
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**2,129**	**2,082**	**2,156**	**2,061**	**2,156**
Tài sản ngắn hạn	**660**	**613**	**1,720**	**1,620**	**1,716**
Tiền và tương đương tiền	87.1	38.4	61.2	16.1	1,186
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.30	73.9	73.9	4.90	9.70
Phải thu ngắn hạn	424	363	1,450	1,466	389
Hàng tồn kho	137	134	132	129	128
Tài sản ngắn hạn khác	2.69	3.83	3.62	3.04	2.89
Tài sản dài hạn	**1,469**	**1,469**	**436**	**442**	**440**
Phải thu dài hạn	1,033	1,033	0	0.05	0.05
Tài sản cố định	22.2	21.1	20.1	19.8	18.8
Bất động sản đầu tư	26.0	26.5	27.9	27.5	27.1
Tài sản dở dang	1.30	1.30	1.30	1.30	0.72
Đầu tư tài chính dài hạn	351	351	351	359	358
Tài sản dài hạn khác	35.8	35.5	34.9	34.4	34.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**317**	**254**	**283**	**237**	**253**
Nợ ngắn hạn	**141**	**78.9**	**109**	**65.1**	**82.5**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	3.40	3.04	3.31	2.92	3.67
Nợ dài hạn	176	175	173	172	170
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,812**	**1,828**	**1,873**	**1,824**	**1,903**
Vốn chủ sở hữu	**1,812**	**1,828**	**1,873**	**1,824**	**1,903**
Vốn điều lệ	650	650	650	650	650
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)